

# CHẾ ĐỊNH CHỦ TỊCH NƯỚC THEO HIẾN PHÁP NĂM 2013

*ThS. Phạm Duy Ngọc\**

## 1. Địa vị pháp lý của Chủ tịch nước

Kể từ khi xuất hiện hình thức nhà nước đầu tiên của nhân loại cho đến nay, tên gọi và vị thế của người đại diện cho nhà nước bị chi phối bởi sự phát triển của lịch sử và sự lựa chọn chính thể của từng quốc gia. Hiện tại, người đại diện cho nhà nước trên phương diện quốc gia và quốc tế với những tên gọi khác nhau như: Vua, Nữ Hoàng, Quốc vương, Tổng thống, Chủ tịch nước...

Lịch sử lập hiến của Việt Nam đã kế thừa, phát triển qua 05 bản Hiến pháp (1946, 1959, 1980, 1992, 2013) gắn với từng giai đoạn mang tính bước ngoặt lịch sử Việt Nam. Kế thừa Hiến pháp qua các thời kỳ, Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại, thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh. Đồng thời, Hiến pháp 2013 cũng bổ sung thêm những quy định làm rõ thẩm quyền của Chủ tịch nước trong từng lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp và quy định mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với Quốc hội, Chính phủ, cơ quan tư pháp. Hiến pháp 2013, cũng quy định rõ hơn về vai trò thống lĩnh lực lượng vũ trang của Chủ tịch nước trong việc quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp...; cùng với đó là bổ sung quy định thẩm quyền của Hội đồng quốc phòng và an ninh do Chủ tịch nước làm Chủ tịch quyết định việc lực lượng vũ trang của Việt Nam tham gia hoạt động góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới.

---

\* Giảng viên, Khoa Luật Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

## **2. Bầu Chủ tịch nước**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 70 Hiến pháp năm 2013, Quốc hội “*Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước...*”. Như vậy, xét về điều kiện để được bầu Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước không khác gì so với điều kiện để trở thành đại biểu Quốc hội. Hiến pháp 2013 không quy định về quốc tịch, xuất thân, độ tuổi tối thiểu... của ứng viên cho chức vụ “Nguyên thủ quốc gia” như ở một số quốc gia khác.

Lịch sử lập hiến ở Việt Nam quy định Chủ tịch nước đồng thời là đại biểu Quốc hội Nghị viện (Hiến pháp 1946)<sup>1</sup>, đại biểu Quốc hội (Hiến pháp 1980 và 1992)<sup>2</sup>, chỉ duy nhất Hiến pháp 1959 không quy định vấn đề này, tuy nhiên thực tế người lãnh trách nhiệm Chủ tịch nước giai đoạn này vẫn là đại biểu Quốc hội. Việc phải là đại biểu do nhân dân bầu ra giải thích rõ nguồn gốc gắn kết của nguyên thủ với Nhân dân, một trong những tiêu chuẩn dấu hiệu thể hiện thể chế cộng hòa của chế độ chính trị dân chủ ở Việt Nam.

Chính vì do Quốc hội bầu ra và phải là đại biểu Quốc hội, do vậy khác với Nguyên thủ Quốc gia của các nhà nước khác, Chủ tịch nước CHXHCN VN phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội và phải báo cáo trước Quốc hội. Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước<sup>3</sup>; Chủ tịch nước có quyền trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội<sup>4</sup>. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước là 5 năm theo nhiệm kỳ của Quốc hội và khi hết nhiệm kỳ của Quốc hội.

## **3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước**

### **3.1. Về đối nội**

Với tư cách là người đứng đầu nhà nước, thay mặt cho Nhà nước về đối nội và đối ngoại<sup>5</sup>. Do vậy, về nguyên tắc dù trực tiếp hay gián tiếp Chủ tịch nước đều có mối quan hệ với CÁC quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. So với quy định Điều 103 Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001 (Hiến pháp 1992), Điều 88 Hiến pháp 2013 có sự thay đổi đáng kể về mặt bố cục. Nếu như trước đây, Hiến pháp 1992 chia

---

<sup>1</sup> Điều 45 Hiến pháp 1946

<sup>2</sup> Điều 99 Hiến pháp 1980 và Điều 102 Hiến pháp 1992

<sup>3</sup> Khoản 1 Điều 80 Hiến pháp 2013

<sup>4</sup> Khoản 1 Điều 84 Hiến pháp 2013

<sup>5</sup> Điều 86 Hiến pháp 2013

tách từng nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Chủ tịch nước tại 12 khoản của Điều 103, thì nay Hiến pháp 2013 gom những nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước thành những nhóm, theo từng lĩnh vực và quy định tại 6 khoản của Điều 88: khoản 1 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn trong lĩnh vực lập pháp; khoản 2 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác cán bộ liên quan đến nhân sự của Chính phủ; khoản 3 quy định nhiệm vụ và quyền hạn trong lĩnh vực tư pháp; khoản 4 quy định về một số nhiệm vụ và quyền hạn mang tính biểu tượng của người đứng đầu Nhà nước như khen thưởng, quốc tịch; khoản 5 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh; khoản 6 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn về mặt đối ngoại của nguyên thủ quốc gia.

#### ***- Đối với lập pháp***

Khoản 1 Điều 88 Hiến pháp năm 2013 giữ nguyên quy định tại Điều 103 Hiến pháp 1992 về quyền công bố luật và pháp lệnh của Chủ tịch nước. Cũng giống như Hiến pháp 1992, việc công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh của Chủ tịch nước chủ yếu vẫn mang tính thủ tục về mặt hành chính nhà nước, không xác lập giá trị hiệu lực pháp lý của văn bản luật như Hiến pháp 1946 quy định Chủ tịch nước có quyền ban bố các đạo luật đã được Nghị viện quyết nghị<sup>6</sup>.

Hiến pháp năm 2013, tiếp tục quy định Chủ tịch nước có thẩm quyền đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua. Nếu sau khi xem xét lại, Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn biểu quyết tán thành pháp lệnh đó mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất. Quyết định của Quốc hội là quyết định cuối cùng. Thực tiễn về vấn đề này từ trước tới nay, chưa xảy ra việc Chủ tịch nước đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh đã được thông qua, bởi lẽ do có sự phối hợp chặt chẽ giữa Chủ tịch nước và Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi ban hành pháp lệnh.

#### ***- Đối với hành pháp***

Hiến pháp năm 2013 giữ nguyên thẩm quyền của Chủ tịch nước đối với nhân sự cao cấp thuộc Chính phủ, đó là: “*Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn*

---

<sup>6</sup> Khoản 4 Điều 49 Hiến pháp 1946

*nhệm, bả nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên của Chính phủ*”<sup>7</sup>. Ở nước ta dưới sự Lãnh đạo của Đảng, công tác cán bộ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là khâu then chốt trong xây dựng Đảng. Do vậy, nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước trong công tác này là thực hiện sự quán triệt về công tác nhân sự của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương. Tuy nhiên, trong công tác này xét về mặt nhà nước, đã thể hiện rõ nét vị trí, vai trò của Nguyên thủ Quốc gia trong trách nhiệm hình thành nên Chính phủ - cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Điều 90 Hiến pháp 2013 quy định Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của Chính phủ, có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước. Đây là quy định mới xác định rõ hơn mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với Chính phủ, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội. Quy định này thể hiện việc mở rộng thẩm quyền của Chủ tịch nước trong mối quan hệ với Chính phủ. Theo đó, Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tuy nhiên, thẩm quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn không phải áp dụng đối với mọi vấn đề và trong mọi trường hợp, mà chỉ trong 2 trường hợp cụ thể: (i) Chủ tịch nước xét thấy và (ii) để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước.

Cùng với thẩm quyền trên, Hiến pháp 2013 cũng quy định trách nhiệm báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Chủ tịch nước “*Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước*”<sup>8</sup>; Thủ tướng Chính phủ “*báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước*”<sup>9</sup>. Tuy nhiên, để cụ thể hơn trách nhiệm báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Chủ tịch nước cần có những quy định cụ thể, chi tiết trong một văn bản luật, giống như việc cụ thể hóa trong Luật Tổ chức Quốc hội về trách nhiệm báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

---

<sup>7</sup> Khoản 2 Điều 88 Hiến pháp 2013

<sup>8</sup> Điều 94 Hiến pháp 2013

<sup>9</sup> Khoản 2 Điều 95 Hiến pháp 2013

### **- Đối với tư pháp**

Hiến pháp 2013 quy định “*Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao*”<sup>10</sup>.

Nếu Hiến pháp 1992, Chủ tịch nước quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao<sup>11</sup>. Hiến pháp 2013 tiếp tục giữ nguyên quy định này đồng thời bổ sung thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán các Tòa án khác<sup>12</sup> của Chủ tịch nước.

Thực tiễn từ năm 1992 đến năm 2002, Chủ tịch nước thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đến Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương (tỉnh, huyện). Từ năm 2003, sau khi có Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002, Chủ tịch nước chỉ thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh còn lại do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thực hiện.

Việc tái quy định thẩm quyền của người đứng đầu Nhà nước trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp (Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao - theo nghị quyết của Quốc hội; Thẩm phán các Tòa án khác) có ý nghĩa quan trọng về mặt chính trị, pháp lý. Vì trong hoạt động xét xử, Thẩm phán dù ở cấp nào cũng đều nhân danh Nhà nước CHXHCN Việt Nam thực hiện quyền tư pháp. Vì vậy, việc Chủ tịch nước thay mặt Nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán chính là việc trao hoặc tước quyền nhân danh Nhà nước của Thẩm phán, qua đó góp phần tăng tính độc lập trong hoạt động của xét xử của Tòa án, bảo đảm “*Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt*

<sup>10</sup> Khoản 3 Điều 88, Hiến pháp 2013

<sup>11</sup> Khoản 8 Điều 103, Hiến pháp 1992

<sup>12</sup> Khoản 3 Điều 88 Hiến pháp 2013

*Nam, thực hiện quyền tư pháp; Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”*<sup>13</sup>.

Mang tính biểu tượng của người đứng đầu Nhà nước, thẩm quyền đặc xá của Chủ tịch nước đã được quy định trong các bản Hiến pháp trước đây (trừ Hiến pháp 1959, thẩm quyền đặc xá được trao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội)<sup>14</sup>. Theo cách hiểu thì đặc xá gồm đặc xá tha tù trước thời hạn và ân giảm án tử hình. Đây là thẩm quyền đặc thù của nguyên thủ quốc gia trong lĩnh vực tư pháp, với tư cách là “nhà Vua” - nguyên thủ quốc gia có quyền tha bổng tù nhân và miễn tội chết cho tù nhân.

Phạm nhân muốn được đặc xá phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngoài trường hợp đặc xá nói chung, còn có đặc xá trong trường hợp đặc biệt, phạm nhân không bắt buộc phải có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, cụ thể: “*Trong trường hợp đặc biệt để đáp ứng yêu cầu về đối nội, đối ngoại của Nhà nước, Chủ tịch nước quyết định đặc xá cho người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, người đang được hoãn chấp hành án phạt tù, người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người đang chấp hành án phạt tù chung thân mà không phụ thuộc vào các điều kiện quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Luật này*”<sup>15</sup>.

Thông thường nhân sự kiện trọng đại hoặc ngày lễ lớn của đất nước, Chủ tịch nước xem xét, quyết định về đặc xá đối với người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn đang chấp hành hình phạt tù, đồng thời quyết định thành lập Hội đồng Tư vấn đặc xá để giúp Chủ tịch nước thực hiện việc đặc xá. Hội đồng tư vấn đặc xá là tổ chức liên ngành gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan do Chủ tịch nước quyết định thành lập để triển khai thực hiện quyết định về đặc xá của Chủ tịch nước và tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch nước thực hiện hoạt động đặc xá. Tuy nhiên, Luật Đặc xá hiện hành đã không quy định việc

<sup>13</sup> Khoản 2 Điều 103 Hiến pháp 2013.

<sup>14</sup> Điều 53 Hiến pháp 1959.

<sup>15</sup> Điều 22 Luật Đặc xá năm 2018

xét ân giảm án tử hình là đặc xá<sup>16</sup>. Đặc xá và ân giảm án tử hình đều thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước quyết định nhưng khác nhau cơ bản về đối tượng, hình thức, trình tự, thủ tục áp dụng và hệ quả pháp lý. Theo đó, nếu người bị kết án phạt tù được Chủ tịch nước đặc xá thì họ được tha tù trước thời hạn. Trong khi đó nếu người bị kết án tử hình được Chủ tịch nước ân giảm án tử hình thì họ chỉ được chuyển thành tù chung thân. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ân giảm án tử hình đã được quy định tại Điều 367 Bộ Luật Tố tụng hình sự 2015.

Sau khi bản án tử hình có hiệu lực pháp luật, trong thời hạn 7 ngày, người bị kết án được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước. Trường hợp Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm án tử hình thì bản án tử hình được thi hành, trường hợp được ân giảm thì hình phạt tử hình được chuyển thành hình phạt tù chung thân.

Về về an ninh - quốc phòng, Chủ tịch nước *“Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương”*<sup>17</sup>.

Hiến pháp 2013 đã phân định rõ quyền “thống lĩnh” của Chủ tịch nước và quyền “quản lý nhà nước” của Chính phủ trong công tác nhân sự đối với lực lượng vũ trang, cụ thể: việc quyết định nhân sự chỉ huy cấp cao trong lực lượng vũ trang (cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước; việc quyết định nhân sự quản lý cấp cao (Thứ trưởng, Tổng cục trưởng...) thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>16</sup> Khoản 1 Điều 3 Luật Đặc xá 2018

<sup>17</sup> Khoản 5 Điều 88 Hiến pháp 2013

Khi nước nhà bị xâm lược, Quốc hội sẽ xem xét, quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh<sup>18</sup>; trong trường hợp Quốc hội không thể họp được, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh và báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất<sup>19</sup>; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước ra lệnh công bố quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh. Khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương<sup>20</sup>; Chủ tịch nước căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh công bố tình trạng khẩn cấp. Trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, Chủ tịch nước quyết định công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

Khi quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh hoặc ban bố tình trạng khẩn cấp, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; Chủ tịch nước căn cứ nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ.

Khi không còn tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định bãi bỏ tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, việc tổng động viên, động viên cục bộ; Chủ tịch nước căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh bãi bỏ các lệnh đã công bố.

### **3.2. Về đối ngoại**

Hiến pháp 2013 tiếp tục ghi nhận thẩm quyền của nguyên thủ quốc gia trong việc tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; phong hàm, cấp đại sứ.

Đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của CHXHCN Việt Nam do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định. Chủ tịch nước căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền<sup>21</sup> (thẩm quyền về mặt đối nội, nội bộ), một thủ tục mang tính nghi thức, biểu tượng của nguyên thủ quốc gia; đồng thời trực tiếp cử,

---

<sup>18</sup> Khoản 13 Điều 70 Hiến pháp 2013

<sup>19</sup> Khoản 9 Điều 74 Hiến pháp 2013

<sup>20</sup> Khoản 10 Điều 74 Hiến pháp 2013

<sup>21</sup> Khoản 6 Điều 88 Hiến pháp 2013



triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền (thẩm quyền về mặt đối ngoại). Việc cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền vẫn thuộc Chủ tịch nước.

Chủ tịch nước quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước (điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của CHXHCN Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội)<sup>22</sup>.

#### **4. Kết luận**

Với tư cách là người đứng đầu nhà nước, Chủ tịch nước có quyền thay mặt cho nhà nước Việt Nam về mặt đối nội, đối ngoại. Bằng các hoạt động công bố, đề nghị với nhân dân, với thế giới, với các cơ quan quyền lực đại diện do nhân dân trực tiếp bầu, Chủ tịch nước chính thức hóa các quyết định của các cơ quan trong cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước. Đồng thời, có vai trò rất quan trọng trong việc điều phối nhịp nhàng mối quan hệ giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chế định Chủ tịch nước Hiến pháp 2013 đã góp phần đảm bảo cho hoạt động của Chủ tịch nước có hiệu quả cao hơn trong hoạt động đối nội và đối ngoại phù hợp với điều kiện Việt Nam trong giai đoạn hội nhập hiện nay.

---

<sup>22</sup> Khoản 6 Điều 88 Hiến pháp 2013